

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Minh; ông Phan Văn Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-DS ngày 14/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn P; sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 1, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Võ Thị T; sinh năm: 1995; địa chỉ: Xóm 1, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Võ Thị T2, Luật sư thuộc Công ty TNHH Luật Mai Sen, Đoàn Luật sư Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2023, bản tự khai, quá trình hòa giải và đơn trình bày ngày 09/8/2023, nguyên đơn anh Phạm Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Võ Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 23/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận với nhau được hơn 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là trong thời gian anh đi lao động ở nước ngoài, chị Tuyết có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, không chăm

lo cho chồng con và gia đình. Bản thân anh đã cố gắng để vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tuyết.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Phương L, sinh ngày 06/4/2019, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Võ Thị T tại bản tự khai đề ngày 01/8/2023, quá trình hòa giải và tại phiên tòa trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu, thời gian, địa điểm kết hôn như anh P trình bày. Tình cảm vợ chồng hòa thuận từ năm 2017 đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, trong quá trình sống chung vợ chồng không được hạnh phúc. Anh P đi lao động ở nước ngoài từ ngày 24/11/2019 đến đầu tháng 11/2022 thì về nước. Trong thời gian ở nước ngoài anh P thường xuyên gọi điện về chửi bới, lăng nhục chị, đồng thời không có trách nhiệm hỗ trợ tiền nuôi con. Tại bản tự khai chị trình bày hiện tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được chấm dứt ly hôn với anh P. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải và phiên tòa chị lại trình bày vẫn còn tình cảm với anh P, không đồng ý thuận tình ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh P trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, nguyện vọng chị muốn được trực tiếp nuôi con và tại phiên tòa yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết như anh P trình bày.

Ngoài ra, tại bản tự khai chị trình bày có tài sản riêng là chiếc điện thoại Iphone 13 Promax trị giá 30.490.000đ, ngày 16/11/2022 anh P sử dụng bạo lực cưỡng đoạt tài sản của chị và yêu cầu anh P trả lại tài sản chiếm đoạt cho chị. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày về hôn nhân, con chung và tài sản chung như bị đơn chị T trình bày; đồng thời, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh P, vì mâu thuẫn vợ chồng nhỏ nhất chưa đến mức phải ly hôn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án được. Nguyên đơn anh P có đơn trình bày đề nghị không tiếp tục hòa giải, sớm đưa vụ án ra xét xử và đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh về điều kiện thu nhập, chi phí sinh hoạt nuôi con tại địa phương.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, có mặt tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn anh P đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân, anh P, chị T trên cơ sở tự do tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp; quá trình chung sống anh P, chị T nảy sinh mâu thuẫn, không tin tưởng nhau, đã ly thân nhau từ lâu, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, nên đề nghị xử cho anh P được ly hôn chị T; về con chung, đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp; về tài sản chung và tài sản riêng, anh P, chị T không có yêu cầu nên không xem xét; về án phí, đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Hương Giang, huyện Hương Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, nhưng bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến, không có đơn yêu cầu đòi tài sản trong thời hạn thông báo thụ lý; tại phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ Tòa án đã giải thích nhưng sau phiên họp Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu và tại phiên tòa bị đơn đề nghị không xem xét nội dung này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.3] Nguyên đơn anh P đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh P và chị T trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Giang, huyện Hương Khê theo giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 23/6/2017, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong thời kỳ hôn nhân, cuối năm 2019 anh P đi lao động ở nước ngoài nên vợ chồng sống xa cách; do vợ chồng thiếu sự tin tưởng, nghi ngờ nhau nên giữa hai người nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã; đến cuối năm 2022, anh P về nước thì nảy sinh bạo lực gia đình, mâu thuẫn càng trầm trọng mặc dù được gia đình bên nội ngoại khuyên bảo, hòa giải và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không còn quan tâm nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng nguyên đơn anh P kiên quyết xin ly hôn và đề nghị không hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa anh P, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh P được ly hôn chị T.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Phương L, sinh ngày 06/4/2019. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đ. Tại phiên hòa giải và đơn trình bày ngày 09/8/2023, anh P đồng ý nhường quyền trực tiếp nuôi con chung cho chị T nhưng chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng, vì hiện anh đang học tiếng đi nước ngoài, chưa có công việc thu nhập.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn phải đảm bảo tốt nhất mọi mặt về vật chất và tinh thần cho con; từ khi sinh con đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con, do đó việc giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng như thỏa thuận của vợ chồng là bảo đảm sự ổn định, phát triển bình thường của con chưa thành niên, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

Nguyên đơn anh P không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào thu nhập, điều kiện khả năng thực tế hiện nay của anh P và nhu cầu chi phí thiết yếu của cháu Phạm Phương L đang độ tuổi học mầm non, sinh sống tại địa phương theo biên bản xác minh của Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận buộc nguyên đơn anh Phúc phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ mỗi tháng 2.000.000đ là có căn cứ và phù hợp.

Khi điều kiện thay đổi, mức cấp dưỡng có thể thay đổi, việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn P được ly hôn với chị Võ Thị T.

2. Về con chung: Giao cho chị Võ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Phạm Phương L, sinh ngày 06/4/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Buộc anh Phạm Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 2.000.000đ/tháng, từ tháng 9/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định.

3. Về án phí: Buộc anh Phạm Văn P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng. Anh P đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007928 ngày 10/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã H, Hương Khê;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng